

KHẢ NĂNG ÁP DỤNG GIÁ CƠ BẢN TRONG TÍNH TOÁN CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT

Nguyễn Bích Lâm^(*)

Giá trị sản xuất theo ngành kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định. Giá trị sản xuất (GTSX) có thể tính theo giá cơ bản hoặc giá sản xuất. Hiện nay Tổng cục Thống kê đang áp dụng giá sản xuất trong tính toán chỉ tiêu này và phù hợp với chế độ hạch toán, kế toán và hệ thống thuế sản xuất trước đây. Tại kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực từ ngày 1/1/1999 thay cho Luật Thuế doanh thu; chế độ hạch toán, kế toán cũng có những đổi mới, vì vậy việc áp dụng giá sản xuất để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế bộc lộ một số bất cập.

Trên giác độ phân tích kinh tế, việc áp dụng giá sản xuất để tính chỉ tiêu GTSX sẽ phản ánh không đúng bản chất kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh ở cơ sở. Giá sản xuất không phản ánh thực tế số tiền đơn vị sản xuất hàng hóa và dịch vụ thu được khi bán sản phẩm của mình và cũng không phản ánh đúng số tiền người mua thực sự phải trả để có được hàng hóa và dịch vụ người mua cần.

Ở nước ta chỉ tiêu GTSX nói chung và GTSX ngành công nghiệp nói riêng được xem là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không thể thiếu trong công tác quản lý, điều hành nền kinh tế của cơ quan nhà nước các cấp. Lâu nay chỉ tiêu này chỉ tính theo giá sản xuất để sử dụng cho đánh giá tốc độ tăng trưởng,

tính cơ cấu trong nội bộ ngành và tính một số chỉ tiêu chất lượng khác. Tính theo giá sản xuất dùng cho các mục đích trên có nhược điểm là bị ảnh hưởng của yếu tố thuế sản phẩm. Thuế sản phẩm đánh vào người mua hàng, người bán chỉ có nhiệm vụ thu hộ Nhà nước. Các loại thuế sản phẩm được sử dụng với vai trò điều tiết và hướng dẫn người tiêu dùng, nó hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước, không do người sản xuất quyết định và không phản ánh đúng thực chất chi phí của đơn vị sản xuất. Chỉ tiêu GTSX tính theo giá sản xuất không phản ánh đúng thực chất kết quả và hiệu quả của sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng và quan hệ cơ cấu trong nội bộ các ngành. Vì vậy việc tính chỉ tiêu GTSX theo giá cơ bản là yêu cầu khách quan của các cơ quan quản lý và lập chính sách kinh tế⁽¹⁾.

1. Phương pháp tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản

Bất kỳ một chỉ tiêu thống kê tổng hợp nào khi tính toán đều phải tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản. Đối với chỉ tiêu giá trị sản xuất tính theo giá cơ bản hay giá sản xuất phải đảm bảo bốn nguyên tắc sau: (i) Tính toàn bộ giá trị lao động sống và lao động vật hoá đã được sử dụng hết cho sản xuất tạo ra sản phẩm cùng với giá trị thặng dư được xác định trong một thời gian nhất định; (ii) Chỉ tiêu giá trị sản xuất được tính cho một thời kỳ nhất định; (iii) Sản phẩm sản xuất ra trong thời kỳ nào được tính cho thời

^(*) Viện Khoa học Thống kê

kỳ đó; và (iv) Giá trị sản xuất không được tính trùng trong phạm vi đơn vị tính toán.

Hoạt động sản xuất của nền kinh tế tạo ra sản phẩm dưới dạng hàng hóa vật chất và dịch vụ. *Hàng hóa* vật chất có hai đặc trưng nổi bật ở chỗ: (i) Người ta có thể xác lập và chuyển nhượng quyền sở hữu từ một thực thể này tới một thực thể khác trong nền kinh tế; (ii) Quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa diễn ra hoàn toàn riêng biệt - đây là đặc trưng kinh tế quan trọng, riêng có của hàng hóa vật chất. Khác với hàng hóa vật chất, dịch vụ là sản phẩm tạo ra bởi quá trình sản xuất nhưng không là một thực thể tồn tại riêng biệt trong nền kinh tế mà qua đó người ta có thể xác lập quyền sở hữu đối với nó. Quá trình trao đổi và sản xuất dịch vụ diễn ra đồng thời và do vậy không có tồn kho đối với dịch vụ.

Trong thống kê tài khoản quốc gia (TKQG) hàng hóa⁽²⁾ và dịch vụ thường chia thành ba nhóm: Hàng hóa và dịch vụ có tính thị trường; hàng hóa và dịch vụ tự sản xuất để tiêu dùng cuối cùng và tích lũy; hàng hóa và dịch vụ phi thị trường. *Hàng hóa và dịch vụ có tính thị trường* là những sản phẩm được bán, trao đổi, dự định bán hoặc trao đổi trên thị trường với giá có ý nghĩa kinh tế; *hàng hóa và dịch vụ tự sản xuất để tiêu dùng cuối cùng và tích lũy* là những sản phẩm do đơn vị sản xuất giữ lại để tiêu dùng cuối cùng và để tích lũy; và *hàng hóa và dịch vụ phi thị trường* là những hàng hóa và dịch vụ phục vụ cá nhân hoặc cộng đồng do các đơn vị không vì lợi ích phục vụ hộ gia đình và Nhà nước cung cấp không thu tiền, hoặc thu tiền với giá không có ý nghĩa kinh tế. Thống kê tài khoản quốc gia quy định dùng giá cơ bản khi tính giá trị sản xuất của hai nhóm đầu tiên và dùng tổng chi phí sản xuất

phát sinh để tính cho nhóm thứ ba, khi tính giá trị sản xuất.

Nhìn chung phương pháp tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản giống với phương pháp tính theo giá sản xuất⁽³⁾, sự khác nhau ở chỗ xử lý thuế sản phẩm và trợ cấp sản phẩm. Tuy vậy, với đặc thù riêng có của ngành xây dựng đó là sản xuất đơn chiếc, chu kỳ sản xuất để tạo ra một sản phẩm thường rất dài có khi tới vài năm, địa điểm của sản xuất cũng là địa điểm sử dụng sản phẩm; tham gia vào quá trình sản xuất và sở hữu kết quả sản xuất do cả đơn vị chủ đầu tư và đơn vị hoạt động xây dựng quyết định. Những đặc điểm này đã chi phối đến cách tiếp cận và phương pháp tính GTSX của ngành xây dựng và chúng không giống với các ngành khác. Với ngành xây dựng, phương pháp tính GTSX theo giá cơ bản phù hợp nhất là căn cứ vào chi phí xây dựng và vốn đầu tư thực hiện. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc thực tế thi công, lắp đặt tại công trình của thống kê Liên hợp quốc.

2. Khả năng tính chỉ tiêu giá trị sản xuất các ngành kinh tế theo giá cơ bản

Để thấy rõ khả năng tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá cơ bản, cần xem xét từ yêu cầu, các điều kiện đảm bảo cho việc tính toán và tính hiện thực của một kế hoạch đưa vào áp dụng trong thực tế. Với cách tiếp cận này, để triển khai tính chỉ tiêu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế theo giá cơ bản cần phải đảm bảo yêu cầu về thống kê rõ ràng, minh bạch của từng yếu tố cấu thành nên GTSX và tổ chức thu thập thông tin vừa phải đảm bảo đầy đủ những thông tin cần thiết cho việc tính toán và phải phù

hợp với các đối tượng của các ngành kinh tế hiện nay.

Khi đã có đầy đủ “nguyên liệu đầu vào” để *đảm bảo tính khả thi của việc tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản* cần phải có phương pháp luận rõ ràng, chỉ ra được nội dung và phương pháp tính toán thống kê. Phương pháp tính GTSX đã được nghiên cứu và chính thức đưa vào áp dụng trong ngành Thống kê từ năm 1993, qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung trên cơ sở thực tiễn, đến nay phương pháp luận đã được giải quyết triệt để không chỉ về lý thuyết, mà còn gắn với thực tiễn nước ta, đảm bảo tính khả thi trong thực tế, đồng thời vẫn giữ được nguyên tắc so sánh quốc tế của chỉ tiêu này.

Phương pháp luận và nhu cầu của công tác quản lý là điều kiện cần, khi đó vấn đề về kế toán và chính sách tài chính của khối sản xuất kinh doanh tại cơ sở được xem như là điều kiện đủ. Điều cốt lõi để tính được giá trị sản xuất theo giá cơ bản là tách được yếu tố thuế sản phẩm ra khỏi giá bán của đơn vị sản xuất và tính toán chính xác doanh thu thuần của hoạt động sản xuất.

Với Luật Thuế giá trị gia tăng thay cho Luật Thuế doanh thu và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thay cho chế độ kế toán doanh nghiệp cũ, đã tạo điều kiện để tính được giá cơ bản trước giá sản xuất, tính được tổng doanh thu thuần theo phương pháp trực tiếp trước tổng doanh thu theo giá sản xuất.

Cùng với Luật Thuế giá trị gia tăng có hiệu lực, chế độ kế toán nhà nước được sửa đổi, ban hành theo Quyết định số 1141/QĐ-CĐKT ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Với chế độ mới, các thông tin cần để tính chỉ tiêu giá trị

sản xuất theo giá cơ bản đều được quy định rõ trong các tài khoản kế toán.

Hiện nay tổ chức thu thập thông tin thống kê của các ngành kinh tế được chia thành 2 khu vực: Khu vực doanh nghiệp và khu vực cơ sở sản xuất cá thể. Đối với khu vực doanh nghiệp, không kể ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực doanh nghiệp của các ngành kinh tế khác chiếm tỷ trọng lớn (trên 90% đối với công nghiệp) trong tổng GTSX toàn ngành và đang được tổ chức thu thập thông tin khá ổn định, phong phú và tương đối đầy đủ. Tuy nhiên những số liệu thu được còn những tồn tại như: Số liệu về tồn kho thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang, đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn thường rất khó khăn, độ tin cậy không cao; chỉ tiêu thu về trợ cấp, trợ giá của Nhà nước chưa được cài đặt trong điều tra thống kê để thu thập số liệu.

Khu vực cơ sở sản xuất cá thể hiện tại chiếm tỷ trọng nhỏ và triển vọng tỷ trọng này ngày càng nhỏ dần. Khu vực này đang được tổ chức thu thập thông tin theo hình thức điều tra chọn mẫu hàng tháng và 1 kỳ cho điều tra cả năm với mẫu lớn hơn và thông tin thu thập nhiều hơn.

Ngày nay với quy mô kinh tế mở rộng, riêng trong ngành công nghiệp hiện đã có gần 20 nghìn doanh nghiệp thuộc 14 loại hình kinh tế và gần 800 nghìn cơ sở sản xuất cá thể phân bố trên 64 tỉnh, thành phố, thì việc thu thập, kiểm tra chất lượng số liệu và tổng hợp phân tích ngày càng tăng lên gấp bội. Vì vậy cần phải có sự trợ giúp đặc lực của công nghệ thông tin.

Thực tế những năm qua, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê đã có bước phát triển vượt bậc, ở tất cả các khâu

trong quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin đều có trợ giúp của công nghệ thông tin. Đối với khối doanh nghiệp, việc kiểm tra logic và chất lượng số liệu trong mỗi phiếu điều tra đều được thực hiện bằng phần mềm máy tính ở phạm vi cả nước được nhập tin truyền về trung ương, thực hiện việc tổng hợp tập trung từ dữ liệu của từng doanh nghiệp. Số liệu điều tra mẫu cũng được tổng hợp và suy rộng bằng một phần mềm máy tính. Đối với khu vực sản xuất cá thể đang từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu lập dàn mẫu, chọn mẫu, tổng hợp kết quả mẫu điều tra và suy rộng thô cho tổng thể điều tra.

Với trình độ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin như trên, cho phép xử lý và tính toán các chỉ tiêu phức tạp, đảm bảo độ tin cậy, trong đó có cả các chỉ tiêu về tài chính, giá trị sản xuất theo giá cơ bản.

Từ phân tích thực trạng và hướng phát triển của các điều kiện về phương pháp luận tính toán, nhu cầu quản lý đối với các chỉ tiêu giá trị sản xuất tính theo giá cơ bản, cũng như khả năng về chế độ hạch toán kế toán doanh nghiệp, tổ chức thu thập thông tin thống kê, kết quả các cuộc điều tra công nghiệp, trình độ và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin. Tất cả đều cho thấy khả năng đổi mới hệ thống chỉ tiêu thống kê nói chung, chuyển đổi chỉ tiêu giá trị sản xuất từ giá sản xuất sang giá cơ bản là hiện thực, đảm bảo tính khả thi cao.

3. Lộ trình triển khai tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá cơ bản

Để có thể áp dụng thành công giá cơ bản trong tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất, Tổng cục Thống kê cần có kế hoạch chi tiết, cụ thể theo các nội dung sau:

* *Hoàn thiện phương pháp tính.* Phương pháp tính phải thống nhất, vừa đảm bảo chuẩn mực quốc tế, làm cơ sở so sánh số liệu của nước ta với các nước khác trên thế giới; vừa phải phù hợp với thực trạng các ngành kinh tế và trình độ hạch toán kế toán còn thấp của các doanh nghiệp, nhằm đảm bảo tính khả thi của phương pháp. Hoàn thiện phương pháp tính cần thực hiện trong năm 2006 và chính thức hoá trong công tác thống kê của toàn ngành.

* *Tổ chức điều tra thu thập số liệu.* Điều tra thu thập số liệu ban đầu phát sinh từ các cơ sở sản xuất có vai trò quan trọng, quyết định tính chính xác, độ tin cậy của chỉ tiêu cần tính toán. Để có thể tính được giá trị sản xuất theo giá cơ bản, cần thu thập đầy đủ các chỉ tiêu tài chính cơ sở có liên quan trong cuộc điều tra toàn bộ doanh nghiệp và điều tra các cơ sở sản xuất kinh doanh mẫu hàng tháng và hàng năm.

* *Tổ chức điều tra thu thập số liệu tính thử nghiệm trước khi có quyết định triển khai chính thức.* Chủ trương tính GTSX theo giá cơ bản để bổ sung và thay thế cho chỉ tiêu GTSX theo giá sản xuất trong một số lĩnh vực nghiên cứu là một chủ trương đúng, nhưng mới mẻ và khi sử dụng sẽ làm thay đổi số liệu về tốc độ phát triển, cơ cấu các khu vực ngành và thành phần kinh tế theo hướng hợp lý hơn, nhưng lại chưa quen với người sử dụng vốn đã có ấn tượng khá sâu về cơ cấu cũ. Vì vậy cần có thời gian tính thử nghiệm đối với ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản và một số ngành kinh tế khác cho năm 2005 bằng số liệu chính thức với đầy đủ phạm vi của ngành.

4. Tính thí điểm chỉ tiêu giá trị sản xuất ngành công nghiệp theo giá cơ bản

Chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá cơ bản của ngành công nghiệp được tính cho năm 2004 dựa vào thông tin khai thác từ 22.900 doanh nghiệp của cuộc điều tra doanh nghiệp 2005 và điều tra mẫu cơ sở cá thể 1 tháng 10 năm 2004 đã được suy rộng.

Qua tính toán thí điểm với ngành công nghiệp chúng tôi có một số nhận xét sau: Giá trị sản xuất theo giá cơ bản thấp hơn theo giá sản xuất 5,07% là do thuế tiêu thụ sản phẩm. Thuế tiêu thụ sản phẩm hoàn toàn do Nhà nước quyết định, không có ý nghĩa đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với ý nghĩa đó, tính chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá sản xuất để nghiên cứu đánh giá tốc độ tăng trưởng, cơ cấu sản xuất và hiệu quả kinh doanh của ngành công nghiệp có ý nghĩa không nhiều.

Đối với những ngành sản phẩm Nhà nước không khuyến khích và muốn hạn chế tiêu dùng hoặc hướng tiêu dùng sang hướng khác thì Nhà nước định ra mức thuế tiêu thụ sản phẩm cao như: thuốc lá, rượu bia, v.v... Như vậy tính theo giá sản xuất vô hình chung doanh nghiệp được tính thêm một lượng giá trị rất cao mà không phải do chi phí hoặc quản lý của sản xuất tạo ra. Ví dụ ngành sản xuất thuốc lá, nếu tính theo giá cơ bản đạt giá trị 8.758 tỷ đồng, thuế tiêu thụ là 4.892 tỷ đồng và tính theo giá sản xuất là 13.650 tỷ đồng, tăng thêm 4892 tỷ đồng (35,8%) chỉ do chính sách thuế của Nhà nước, không liên quan đến mục tiêu sản xuất của doanh nghiệp.

Ngược lại với những ngành sản phẩm Nhà nước ưu tiên khuyến khích tiêu thụ để phát triển sản xuất thì Nhà nước quy định tỷ lệ thuế tiêu thụ sản phẩm thấp, thậm chí

bằng không. Khi đó giá trị sản xuất theo giá cơ bản và giá sản xuất sẽ không có cách biệt lớn. Ví dụ, ngành khai thác quặng, thuế tiêu thụ sản phẩm chỉ chiếm 0,91% trong giá trị sản xuất tính theo giá sản xuất, ngành dệt 0,97%, ngành may 0,39%, ngành da, giày 0,2%, sản xuất kim loại 0,87% (trong khi ngành thuốc lá là 35,8%, ngành rượu bia là 27,5%).

Cơ cấu thành phần kinh tế. Đánh giá cơ cấu tỷ trọng bằng chỉ tiêu GTSX theo giá sản xuất thì khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có lợi thế hơn vì yếu tố thuế tiêu thụ sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn. Thuế tiêu thụ sản phẩm tham gia vào tính cơ cấu của khu vực ngoài quốc doanh chỉ chiếm 1,64%; khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 5,58% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 6,51%. Bởi vậy cơ cấu tỷ trọng giữa các khu vực kinh tế tính theo chỉ tiêu giá trị sản xuất giá cơ bản phản ánh đúng thực chất cơ cấu sản xuất giữa 3 khu vực, đặc biệt sẽ đánh giá đúng hơn, sát với thực tế hơn cho khu vực ngoài quốc doanh.

Cơ cấu ngành kinh tế. Qua tính toán số liệu trên cho thấy có 1 ngành cấp 1 và 8 ngành cấp 2 có tỷ trọng gần giống nhau giữa giá cơ bản và giá sản xuất, nghĩa là không có ảnh hưởng gì đáng kể khi yếu tố thuế tiêu thụ sản phẩm có tham gia hoặc không vào tính cơ cấu trong nội bộ ngành công nghiệp. Có 1 ngành cấp 1 và 3 ngành cấp 3 có *tỷ trọng giá trị sản xuất theo giá cơ bản nhỏ hơn tỷ trọng tính theo giá sản xuất*. Đây là những ngành có tỷ lệ thuế suất của thuế tiêu thụ sản phẩm ở mức rất cao, thuộc nhóm ngành sản phẩm

(tiếp theo trang 32)

chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: Thuốc lá, rượu bia, hoặc sản phẩm cần điều tiết người mua như sản xuất ô tô. Có 1 ngành công nghiệp cấp 1 và 17 ngành công nghiệp cấp 2 có tỷ trọng của giá trị sản xuất theo giá cơ bản lớn hơn tỷ trọng của giá trị sản xuất theo giá sản xuất. Những ngành này đều là những ngành khuyến khích tiêu dùng hoặc xuất khẩu, bởi vậy thuế tiêu thụ sản phẩm không cao, thậm chí mức thuế suất bằng không.

Tóm lại qua phân tích các cơ cấu lớn của các ngành công nghiệp như: cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế, cho thấy cơ cấu tính theo giá trị sản xuất giá cơ bản phản ánh chính xác hơn, sát đúng thực tế hơn với những gì đã diễn ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành, nó không bị ảnh hưởng của nhân tố bên ngoài là chính sách thuế sản phẩm của Nhà nước.

(1) Vũ Văn Tuấn (2004) Báo cáo chuyên đề khoa học: “khả năng ứng dụng phương pháp tính giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá cơ bản trong ngành công nghiệp”

(2) Từ đây trở đi, thuật ngữ hàng hóa được hiểu là hàng hóa vật chất

(3) Phương pháp tính giá trị sản xuất đã được đề cập trong cuốn: “Phương pháp biên

soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam”, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003, vì vậy không đề cập trong bài viết này.

Tài liệu tham khảo

1. Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội – 2003;

2. Một số thuật ngữ thống kê thông dụng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2004;

3. System of National Accounts 1993.

4. Handbook of Input - Output table compilation and analysis. United Nations, New York, 1999. Series F, No 74;

5. Vũ Văn Tuấn (2004) Báo cáo chuyên đề khoa học: “Khả năng ứng dụng phương pháp tính giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm theo giá cơ bản trong ngành công nghiệp”.

6. Vũ Văn Tuấn (2005), Báo cáo chuyên đề khoa học: “Phân tích số liệu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cơ bản qua kết quả thử nghiệm”;

7. Vũ Văn Tuấn (2005), Báo cáo chuyên đề khoa học: “Tính thử nghiệm giá trị sản xuất theo giá cơ bản ngành công nghiệp”;

8. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Tài khoản quốc gia, áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ban hành theo Quyết định số 75/2003/QĐ-TCTK ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003.